

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI SÁT HẠCH
KIẾN THỨC MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN KỲ IV/2022 VÀ THI LẠI KỲ III/2022**

Thi Buổi sáng: 08 giờ ngày 27/4/2022

- Thí sinh có mặt vào lúc 07 giờ 30 phút để làm thủ tục vào phòng thi;
- Thí sinh phải mang theo giấy tờ tùy thân: CMND/CCCD hoặc Hộ chiếu;
- Địa điểm thi: Trường Cao đẳng Kiến trúc Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ sở 2: Khu 11A - Khu chức năng số 11 - Đô thị mới Nam Thành phố, đường Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh (Cạnh cầu Bà Lớn)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
THI LẠI KỲ III/2022				
1	Quách Kim Hưng	03/12/1975	68/44 Trần Quang Khải, phường Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Cấp lần thứ 2
2	Trương Thu Minh	05/11/1987	58N1 Khu Mega Village, KP3, Phú Hữu, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Cấp lần thứ 2
3	Võ Thị Như Hằng	20/12/1982	Thọ Chánh, Xuân Thọ, Xuân Lộc, Đồng Nai	
4	Nguyễn Xuân Sơn	28/6/1996	Tổ 2, Ấp 2, xã Nha Bích, huyện Chơn Thành, Bình Phước	
5	Cao Thanh Duy	13/5/1989	Số 22 ấp Lộc Sơn, xã Lộc Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	
6	Lê Thị Hồng Hiếu	06/02/1993	11.04CC Lê Thành, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	
7	Vũ Trọng Độ	26/4/1989	107/43/24 đường 38, KP8, phường Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
8	Trần Văn Phương	06/10/1984	Thạch Thắng, Thạch Hà, Hà Tĩnh	
9	Huỳnh Văn Khuân	29/11/1993	Phước An, Đá Bạc, Châu Đức, Bà Rịa - Vũng Tàu	
10	Phạm Thị Ngọc Hà	21/10/1990	19/1 Đường 11, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
11	Hồ Duy Tín	15/4/1990	243 Lê Văn Phẩm, Phường 6, Mỹ Tho, Tiền Giang	
12	Nguyễn Thị Kim Hiền	05/01/1977	53/11 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP.HCM	
13	Lê Hoàng Thanh Vinh	04/6/1993	41/3 đường An Bình, Phường 6, Quận 5, TP.HCM	
14	Trần Thanh Bình	06/9/1987	KP 1, Phường 5, Đông Hà, Quảng Trị	
15	Lê Thị Bích Lan	04/6/1991	Phú Mỹ, Phước Lộc, Tuy Phước, Bình Phước	
16	Võ Thị Thanh Nhung	02/02/1983	44/5B, Khóm 2, Phường 3, TP Vĩnh Long, Vĩnh Long	
17	Nguyễn Văn Dũng	09/6/1975	KP6, TT Tân Biên, Tân Biên, Tây Ninh	
18	Nguyễn Thanh Phong	19/11/1982	147 Nguyễn Duy, Phường 9, Quận 8, TP.HCM	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
19	Nguyễn Thành Hiệp	04/4/1991	276/134/22 Thống Nhất, phường 16, Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	
20	Nguyễn Thị Huỳnh Trang	23/10/1993	301bis Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	
21	Nguyễn Thị Hà	09/3/1984	485/89/18c Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	
22	Nguyễn Đức Vũ	26/8/1992	38/7/2 khu phố Bến Đò, phường Long Bình, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
23	Lê Duy Bá	28/10/1978	109/7/2 Nguyễn Duy Linh, khu phố 1, phường Bình Trưng Tây, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
24	Đoàn Đức Cảnh	09/4/1987	47 Âu Cơ, Thị trấn Easup, huyện Easup, tỉnh Đắk Lắk	
25	Đỗ Minh Trung	20/6/1986	2347/54 Phạm Thế Hiển, phường 6, quận 8, TP. Hồ Chí Minh	
26	Bạch Thị Tuyết Lê	14/4/1983	Tịnh Khê, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	
27	Bùi Duy Nam	15/8/1984	Tân Sơn, Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	
28	Lê Diễm Kiều	18/05/1991	45/1 Võ Trường Toản, phường 8, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	
29	Vưu Viễn Hùng	17/01/1983	F9/1/8A ấp 6, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	
30	Su Fang Ying	19/12/1996	195/54 Võ Văn Tần, phường 5, quận 3, TP. Hồ Chí Minh	
31	Tô Di Trân	05/8/1998	194/54 Võ Văn Tần, phường 5, quận 3, TP. Hồ Chí Minh	
32	Nguyễn Thị Ngọc Anh	19/11/1985	69/15/2 tổ 74 Tân An, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	
33	Châu Thị Lành	08/10/1993	Tổ 5, phường Yên Thế, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai	
34	Huỳnh Công Lam	20/6/1992	Ấp Xéo Sâu, xã Lương Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	
35	Trần Thanh Sang	03/11/1993	33 đường 5, khu phố Giản Dân, phường Long Thạnh Mỹ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
36	Lê Thanh Đặng Anh Kiệt	16/8/1999	E1/29A, tổ 1, ấp 5, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	
37	Lê Hoàn Chí	21/5/1992	D4/16A, ấp 4, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	
38	Lê Thị Hiền	07/08/1978	81/12/9 Đường 2, phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
39	Trần Thị Quyên	03/04/1985	81/12/8 Đường 2, hẻm 81, phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
40	Trần Anh Đại	07/12/1980	KP Vĩnh Đông 1, thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	
41	Lê Nam Anh	08/11/1984	4.28 chung cư 8X Plus, tổ 37, KP3, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	
42	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	15/09/1982	114 Trường Đua, khóm Vĩnh Chánh, phường Châu Phú A, TP. Châu Đốc, tỉnh An Giang	
43	Trần Văn Chương	05/09/2002	Nga Phú, Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	
44	Nguyễn Thị Thu Phương	04/12/1988	Tổ Vườn Dâu, Thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
45	Nguyễn Thị Xuân Thảo	01/12/1985	418/14A Hồng Bàng, Phường 16, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh	
46	Lê Phương Anh	19/11/1992	73/11B Nguyễn Thượng Hiền, Phường 5, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
47	Bùi Thanh Hồng	20/11/1985	135/4 Hòa Hưng, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	
48	Phạm Văn Ba	28/9/1979	Tràng Cát, Kim An, Thanh Oai, Hà Nội	
49	Nguyễn Thị Hải Yến	02/4/1989	558/64/4A Bình Quới, Phường 28, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
50	Nguyễn Đình Anh	21/12/1987	Số 5 Lô J, KP4, Tân Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	
51	Hà Thị Hồng Sa	20/10/1985	666/45 Đường 3/2, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	
52	Phan Thị Thùy Trang	13/01/1993	226/33/5 Nguyễn Văn Lương, Phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	
53	Phạm Hoàng Long	07/6/1994	A1/3B, ấp 1, Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A, Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	
54	Trần Thị Diệu	25/5/1997	KP Hải Điền, Long Hải, Long Điền, Bà Rịa - Vũng Tàu	
55	Nguyễn Văn Bàn	13/3/1974	186/1 KP5, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	
56	Phạm Văn Quang	04/10/1988	750 Lô A, CC Khang Gia, Quang Trung, Phường 14, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	
57	Lê Thị Thu	03/12/1982	196E Lê Lai, Đông Sơn, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa	
58	Phạm Kim Điền	18/9/1983	15/5 Tổ 9, KP2, phường Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	
59	Trần Quang Huân	15/10/1990	Lô A1, 10 Hùng Vương, TP. Tuy Hòa, Phú Yên	
60	Lại Xuân Mạnh	02/7/1974	69 Khu phố 3, Hiệp Thành, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	
61	Nguyễn Chí Phương	02/6/1984	Tổ 6, Ấp 1A, Phước Thái, Long Thành, Đồng Nai	
62	Đình Hoàng Hôn	15/7/1988	xã Thổ Sơn, huyện Hoà Đất, Kiên Giang	
63	Trần Đình Long	06/02/1993	Số 52/118 Hàng Kênh, phường Hàng Kênh, quận Lê Chân TP. Hải Phòng	
64	Nguyễn Mạnh Hùng	15/10/1959	378 Phan Xích Long, phường 2, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	
65	Lê Thị Hiền	07/11/1980	4/15 tổ 14, ấp Tiên Lân, xã Bà Điểm, huyện hóc môn, TP. Hồ Chí Minh	

Tổng cộng: 65 thí sinh

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tùng Lâm

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KIẾN TRÚC - XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI SÁT HẠCH
KIẾN THỨC MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN KỶ IV/2022 VÀ THI LẠI KỶ III/2022**

Thi Buổi sáng: 08 giờ 30 phút ngày 27/4/2022

- Thí sinh có mặt vào lúc 08 giờ 15 phút để làm thủ tục vào phòng thi;
- Thí sinh phải mang theo giấy tờ tùy thân: CMND/CCCD hoặc Hộ chiếu;
- Địa điểm thi: Trường Cao đẳng Kiến trúc Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ sở 2: Khu 11A - Khu chức năng số 11 - Đô thị mới Nam Thành phố, đường Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh (Cạnh cầu Bà Lớn)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
THI LẠI KỶ III/2022				
1	Bùi Văn Ngọc	27/7/1984	65B đường 102 khu phố 7, phường Tăng Sơn Phú A, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
2	Nguyễn Thanh Sơn	16/8/1983	01 T10 lầu 9 Lô D chung cư Phạm Viết Chánh, phường 19, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
3	Nguyễn Tiến Hải	28/12/1991	378 Phan Xích Long, phường 2, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	
4	Nguyễn Hoàng Minh	18/12/1999	107 ấp Chợ Trạm, xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An	
5	Nguyễn Tuấn Anh	26/4/1976	11/9A Quang Trung, phường 11, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	
6	Nguyễn Thị Thu Hiền	24/10/1987	81A 15A đường 109, phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
7	Trần Tấn Phát	30/7/1987	Tổ 2, ấp xóm Bến Thanh Tuyên, Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	
8	Dương Văn Tuấn	13/2/1983	Thôn 2, xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, TP. Hà Nội	
9	Hồ Đỗ Nhật Quang	15/02/1998	1389 đường 23/10, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà	
10	Đình Quốc Việt	17/02/1996	Ấp 9/4 xã Hưng Lộc, Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai	
11	Nguyễn Văn Giáp	02/02/1985	Nam Viên, Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh	
12	Hồ Thanh Vũ	19/6/1981	22/28 Huỳnh Đình Hai, phường 24, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
13	Bùi Quang Phải	17/01/1983	25/74 Nguyễn Bình Khiêm, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	
14	Bùi Thị Nghiên	07/09/1992	Chợ Lầu, Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	
15	Trần Thị Nga	23/11/1990	Xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	
16	Hoàng Thanh Tùng	01/02/1979	240/59/24 Thống Nhất, phường 16, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	
THI KỶ IV/2022				
17	Nguyễn Đình Khôi	03/9/1994	40/4 Mỹ An, Mỹ Phong, Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
18	Trương Tuyết	Thu	18/4/1990	332 Nguyễn Tri Phương, Phường 7, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	
19	Lê Thị Nguyệt	Nga	10/9/1984	Xã Long Hưng, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	
20	Nguyễn Văn	Vũ	18/10/1979	Ấp Long Mỹ, Long Khánh, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	
21	Đặng Thị Hoài	Thương	17/10/1991	189A Khu 2, TT Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	
22	Nguyễn Quốc	Nhật	10/4/1984	Phước Lập, Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	
23	Dương Nhật	Tân	12/12/1980	Xã Hậu Mỹ Bắc B, Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	
24	Dương Thị Trúc	Phương	03/9/1994	Thân Cửu Nghĩa, Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	
25	Phạm Bảo	Trung	18/7/1996	Quang Trung, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình	
26	Nguyễn Thành	Luân	19/3/1993	37 Khu Phố Phú Mỹ, TT Phú Long, Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	
27	Trần Hồng	Ngọc	25/12/1987	Ấp Hòa Bình, Hòa Tịnh, Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	
28	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	05/10/1988	57 Tổ 2, Giáp Nước, Phước Thạnh, Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	
29	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	27/3/1986	Xã Long Thọ, Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	
30	Nguyễn Phi	Vĩ	22/9/1995	Vũng Gôm, Phước An, Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	
31	Bùi Thị	Phượng	13/7/1986	Phú Thủy, Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	
32	Phạm Thị Kim	Ngân	17/01/1989	Ấp 4, Đông Thạnh, Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	
33	Phan Bùi Hồng	Phúc	19/01/1995	Ấp Thạnh Hưng, Tường Đa, Châu Thành, tỉnh Bến Tre	
34	Trần Văn	Phương	08/6/1985	C/c Thủ Thiêm Star, Bình Trưng Đông, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
35	Lê Mạnh	Toàn	03/4/1987	Lê Lợi, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	
36	Nguyễn Hoàng	Long	21/10/2000	Quang Trung, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình	
37	Nguyễn Thanh	Thảo	11/12/1983	183 Đường III, Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
38	Huỳnh Hoàng	Phương	21/01/1985	117/9 Hoàng Việt, Phường 5, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	
39	Vũ Hải	Son	25/5/1979	KP5, phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	
40	Nguyễn Thị Kim	Anh	06/10/1996	Thiện Hà, Thiện Nghiệp, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	
41	Đặng Văn	Dũng	09/11/1988	An Long, Phú Long, Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	
42	Nguyễn Thùy Trúc	Linh	08/7/1995	Thôn Thắng Lợi, Hàm Thắng, Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	
43	Nguyễn Ngọc	Nhi	30/12/1996	Bình Hưng, Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
44	Trần Thị Bích Phụng	06/11/1988	KP6, Phú Tài, Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	
45	Trần Thị Hoa Thắm	27/02/1997	Thôn 5, Hàm Đức, Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.	
46	Trịnh Thị Thủy	15/6/1995	Tân Thành, Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận	

Tổng cộng: 46 thí sinh

TP.Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tùng Lâm

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KIẾN TRÚC - XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI SÁT HẠCH
KIẾN THỨC MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN KỶ IV/2022 VÀ THI LẠI KỶ III/2022**

Thi Buổi sáng: 09 giờ 30 phút ngày 27/4/2022

- Thí sinh có mặt vào lúc 09 giờ 15 phút để làm thủ tục vào phòng thi;
- Thí sinh phải mang theo giấy tờ tùy thân: CMND/CCCD hoặc Hộ chiếu;
- Địa điểm thi: Trường Cao đẳng Kiến trúc Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ sở 2: Khu 11A - Khu chức năng số 11 - Đô thị mới Nam Thành phố, đường Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Tp.HCM (Cạnh cầu Bà Lớn)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
THI KỶ IV/2022					
1	Võ Tấn	Lộc	03/12/1995	Bình Hòa, Phước Bình, Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh	
2	Thái Trường	An	27/7/1992	Ấp Hội, Kim Sơn, Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.	
3	Nguyễn Thành	Công	18/02/1981	170A Trần Ngọc Giải, Phường 6, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	
4	Nguyễn Huy	Khắc	10/9/1985	78/3/7 Lê Văn Phẩm, Phường 5, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	
5	Nguyễn Thanh	Liêm	06/10/1990	Tân Thuận, Tân Hội Đông, Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	
6	Trần Thị	Huyền	07/11/1989	Xã Long Thọ, Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	
7	Nguyễn Thị Thùy	Linh	30/4/1988	Ấp 1, Phú Cường, Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	
8	Trịnh Quốc	Lộc	28/10/1984	25/17 Lê Việt Thắng, Phường 5, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	
9	Nguyễn Văn	Minh	17/02/1976	117/1K Nguyễn Thị Thập, Phường 5, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền giang	
10	Lê Thị Diễm	Phúc	17/9/1987	197 Bình Long, Song Bình, Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	
11	Bùi Thị Kim	Phụng	11/9/1991	Tân Thanh, Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang	
12	Nguyễn Minh	Tuấn	16/01/1989	Xã Hòa Tịnh, Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	
13	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	29/10/1993	Tam Hiệp, Châu Thành, Tiền Giang	
14	Trần Thị Thùy	Trang	21/8/1987	Thủ Khoa Huân, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	
15	Ngô Minh	Nhật	03/02/1984	Xã Tân Lý Tây, Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	
16	Nguyễn Văn	Hương	17/10/1985	Xã Mỹ Phong, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	
17	Lâm Nguyễn	Huệ	21/12/1983	Xã Tân Lý Tây, Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	
18	Huỳnh Thị Thu	Diễm	20/9/1970	46 Phan Lương Trục, Phường 6, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
19	Phạm Thị Hải Ngân	24/11/1982	174/4 Lê Văn Lương, Phường 5, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	
20	Nguyễn Thanh Vân	25/9/1991	Phú Hưng, Phú Thuận, Bình Đại, tỉnh Bến Tre	
21	Nguyễn Đại Tài	01/5/1985	Phước An, Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	
22	Trần Thành Trung	15/01/1981	Áp Lương Trí, xã Mỹ Lương, Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	
23	Văn Bá Bảo Thoại	03/10/1995	Đặng Phong, Thanh Bình, Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	
24	Nguyễn Thị Kiều Thắm	28/7/1993	Giáp Nước, Phước Thạnh, Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	
25	Phạm Thị Thanh Tháo	10/9/1979	118/21 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	
26	Trần Văn Bình	18/02/1980	310 Đoàn Thị Nghiệp, Phường 10, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	
27	Nguyễn Thị Diễm	25/7/1995	Áp Bà Trường, Phước An, Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	
28	Nguyễn Thanh Tân	07/9/1985	Xã Thới Sơn, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.	
29	Đặng Phước San	27/02/1985	8D/1 Đốc Bình kiều, Phường 3, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	
30	Võ Hồng Xiêm	17/8/1986	119/5 Đổng Đa, Phường 4, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	
31	Trương Bảo An	07/7/1996	Phường An Bình, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	
32	Nguyễn Thùy Hồng Ánh	03/9/1992	283A KP Núi Đỉnh, phường Kim Dinh, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	
33	Nguyễn Thị Thúy Hằng	02/6/1990	Bình Chương, Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	
34	Trần Thị Hồng Anh	13/4/1994	C/c Hoàng Anh Gia Lai 3, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	
35	Bùi Thị Phương Anh	06/8/1992	86/1 KP2, phường Thanh Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	
36	Phạm Ngọc Ánh	15/01/1981	30/8 Đình An Tài, Phường 7, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	
37	Đình Thị Kim Cúc	07/6/1992	Hải Dinh, Kim Dinh, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	
38	Nguyễn Quốc Dương	13/5/1991	1177 Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	
39	Nguyễn Văn Hoa	22/02/1984	Bình Chánh, Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	
40	Hoàng Thị Ngọc Cẩm	19/01/1980	414 KP3, phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	

Tổng cộng: 40 thí sinh

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tùng Lâm

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KIẾN TRÚC - XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI SÁT HẠCH
KIẾN THỨC MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN KỶ IV/2022 VÀ THI LẠI KỶ III/2022**

Thi Buổi sáng: 10 giờ 30 phút ngày 27/4/2022

- Thí sinh có mặt vào lúc 10 giờ 15 phút để làm thủ tục vào phòng thi;
- Thí sinh phải mang theo giấy tờ tùy thân: CMND/CCCD hoặc Hộ chiếu;
- Địa điểm thi: Trường Cao đẳng Kiến trúc Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ sở 2: Khu 11A - Khu chức năng số 11 - Đô thị mới Nam Thành phố, đường Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Tp.HCM (Cạnh cầu Bà Lớn)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
THI KỶ IV/2022				
1	Trương Nhựt Bảo	10/7/1993	KP2, phường Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	
2	Ngô Hà Chung	11/10/1987	B78/63/10D, Tôn Thất Thuyết, Phường 16, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	
3	Nguyễn Thị Dư	26/9/1993	Đức Thành, Hoài Đức, Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	
4	Trương Thị Kim Chi	06/02/1981	C/c Belleza, phường Phú Mỹ, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	
5	Đinh Thị Chinh	08/3/1984	Tổ 7, KP1, phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	
6	Lê Phước Nhị Sang	01/3/1973	339/34 A11 Tô Hiến Thành, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	
7	Phan Văn Dương	01/01/1980	4/4/15/17D Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 10, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	
8	Phạm Văn Định	02/10/1992	05 Huỳnh Văn Nghệ, phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	
9	Phạm Văn Đoàn	06/10/1993	80 Trịnh Hoài Đức, phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	
10	Nguyễn Lê Giang	27/7/1987	Ấp 4, Nam Cát Tiên, Tân Phú, tỉnh Đồng Nai	
11	Đặng Thanh Hà	04/11/1988	86/46 KP2, phường Thanh Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	
12	Vũ Đình Hiếu	19/10/1990	49 Nguyễn Văn Giáp, Bình Trưng Đông, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
13	Vũ Thế Hào	29/5/1986	Xã Vĩnh Hưng, Bình Giang, tỉnh Hải Dương	
14	Lê Thị Huyền	14/12/1993	Thôn Tân Lập, Năm Nung, Krông Nô, tỉnh Đắk Nông	
15	Nguyễn Văn Hưng	23/11/1990	20/4B Phước Hậu, Long Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
16	Nguyễn Văn Hải	02/6/1991	KP2, phường Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	
17	Phạm Văn Hưng	28/02/1971	847 Nguyễn Duy Trinh, Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
18	Huỳnh Nguyễn Hùng	08/11/1980	37 Đường 13, KDC Bình Chiểu, phường Bình Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
19	Nguyễn Văn	Hung	18/11/1981	63/1 KP1, phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	
20	Lê Văn	Đức	22/4/1994	Xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh	
21	Nguyễn Văn	Chí	05/02/1983	Phường Tam Phước, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	
22	Chu Quốc	Anh	13/10/1990	282 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	
23	Đinh Thị	Hiếu	08/3/1979	51 Thành Thái, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	
24	Lê Thanh	Tuấn	10/4/1991	68 Buôn Xê Đăng, Ea Sar, Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	
25	Cao Trọng	Thuận	26/11/1979	51 Thành Thái, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	
26	Ngô Thị	Huyền	08/11/1985	30/24 Hoàng Việt, phường Thắng Nhì, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	
27	Phạm Bình	Minh	09/02/1980	An Thịnh, TT An Phú, Huyện An Phú, tỉnh An Giang	
28	Bùi Thị Thu	Sương	30/4/1993	Mỹ Phụng, Xuân Lộc, TX Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	
29	Lê Thị Bích	Ngân	12/10/1993	133/17 Đỗ Xuân Hợp, Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
30	Trương Nữ Thủy	Tiên	04/01/2003	Bình Giả, Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	
31	Nguyễn Minh	Dương	21/6/1997	KP2, phường Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	
32	Nguyễn Hoàng	Long	26/3/1993	27/3 Lý Chiêu Hoàng, Phường 10, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh	
33	Nguyễn Trí	Thanh	29/4/1984	251/7/12 Lê Quang Định, Phường 7, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
34	Lê Thị Thảo	Liên	10/12/1995	6/2A KP3, phường Bình Đa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	
35	Văn Công	Phát	04/3/1998	Ấp An Bình, An Thới Đông, Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh	
36	Trần	Nguyễn	10/9/1990	KP3, TT Vĩnh Bình, Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang	
37	Khương Văn	Bình	24/01/1985	462/8A Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	
38	Nguyễn Đức	Nhân	10/12/1999	Ấp 1, Thanh Sơn, Định Quán, tỉnh Đồng Nai	
39	Lương Khánh	Đạt	04/7/1991	Ấp Tân Bảo, Bảo Bình, Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai	
40	Mã Đình	Thắng	05/8/1984	70 Đường số 22, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	

Tổng cộng: 40 thí sinh

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tùng Lâm

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KIẾN TRÚC - XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI SÁT HẠCH
KIẾN THỨC MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN KỶ IV/2022 VÀ THI LẠI KỶ III/2022**

Thi Buổi chiều: 12 giờ 30 phút ngày 27/4/2022

- Thí sinh có mặt vào lúc 12 giờ để làm thủ tục vào phòng thi;
- Thí sinh phải mang theo giấy tờ tùy thân: CMND/CCCD hoặc Hộ chiếu;
- Địa điểm thi: Trường Cao đẳng Kiến trúc Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ sở 2: Khu 11A - Khu chức năng số 11 - Đô thị mới Nam Thành phố, đường Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Tp.HCM (Cạnh cầu Bà Lớn)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
THI KỶ IV/2022					
1	Đoàn Văn	Cân	10/02/1990	Mỹ Thuận, Phổ Thuận, TX Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	
2	Phạm Văn	Phước	04/3/1984	121 Cộng Hòa, Phường 12, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	
3	Lê Hoàng	Giang	28/4/1980	Phường Phú Mỹ, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	
4	Trần Quốc	Thái	14/10/1994	Tuyên Thạnh, TX Kiến Tường, tỉnh Long An	
5	Hà Xuân	Nam	24/02/1989	430 Chi Lăng, phường Phú Hậu, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	
6	Bé Quốc Hưng	Thịnh	05/4/1989	49 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	
7	Nguyễn Đình	Tú	10/9/1993	10 Chu Mạnh Trinh, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
8	Nguyễn Đắc	Sỹ	01/12/1994	Thôn Đông Lâm, xã Nhơn Lộc, TX An Nhơn, tỉnh Bình Định	
9	Đàm Thị	Tâm	29/9/1988	60B KP 12, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	
10	Nguyễn Thị	Oanh	04/01/1997	Phường Dĩ An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương	
11	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	04/9/1981	7/7 Đô Đốc Long, phường Tân Quý, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	
12	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	02/9/1993	TT Thành Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	
13	Nguyễn Nam	Hùng	23/6/1976	138/29/13 Nguyễn Duy Cung, Phường 12, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	
14	LEE HYUN	SEOK	03/11/1975	171A Hoàng Hoa Thám, Phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	
15	Lê Đình	Thịnh	06/8/1985	Phường Tiến Thành, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	
16	Nguyễn Minh	Trung	30/10/1982	Ấp 4, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	
17	Nguyễn Ái	Châu	30774	Ấp Năm Châu, xã Bình Đông, TX Gò Công, tỉnh Tiền Giang	
18	Lý Tuyết	Chiêu	17/02/1984	337/3B Lưu Hữu Phước, Phường 15, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
19	Vũ Thị Vui	05/6/1982	94 KP1, phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	
20	Trần Ngọc Sơn	23/11/1973	94 KP1, phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	
21	Mai Đức Huy	08/10/1997	5 Đường 9, KP4, phường Linh Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
22	Nguyễn Tấn Huỳnh	19/11/1993	3/34 Ấp Mị Tân, Tân Thới Nhi, Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	
23	Phan Minh Việt	01/01/1991	Ấp Thanh Phước, Thanh Điền, Châu Thành, tỉnh Tây Ninh	
24	Nguyễn Văn Định	18/5/1996	Tân Thọ, Yên Thọ, Như Thành, tỉnh Thanh Hóa	
25	Nguyễn Thế An	26/11/1992	Hòa Quới, Hòa Tân, Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	
26	Bùi Lệ Linh	20/01/1992	Tam Hải, Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	
27	Nguyễn Anh Tuấn	22/02/1974	40A Bùi Viện, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	
28	Nguyễn Thành Viên	14/10/1985	Định Phước, Tam Nghĩa, Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	
29	Võ Thị Ngọc Lan	01/11/1992	TT Lạc Tánh, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận	
30	Nguyễn Văn Dũng	06/3/1976	64 An Dương Vương, Phường 16, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	
31	Ngô Lộc Thành	15/11/1982	593/7A Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh	
32	Hoàng Văn Giang	13/6/1981	Tượng Sơn, Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	
33	Phạm Thanh Lâm	31/10/1999	KP3, phường Thới Hòa, Bến Cát, tỉnh Bình Dương	
34	Nguyễn Như Chương	08/11/1975	112 Đội Cấn, phường Đội Cấn, Ba Đình, TP. Hà Nội	
35	Phạm Hồng Nhung	24/02/1980	112 Đội Cấn, phường Đội Cấn, Ba Đình, TP. Hà Nội	
36	Bùi Văn Trương	02/6/1988	60/3 Đường 414, Phước Vĩnh An, Chủ Chí, TP. Hồ Chí Minh	
37	Nguyễn Xuân Hiền	21/12/1981	40/4A Đường 414, Phước Vĩnh An, Chủ Chí, TP. Hồ Chí Minh	
38	Nguyễn Văn Doanh	02/10/1996	21/27 Phước Lâm, Phước Hưng, Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	
39	Nguyễn Thị Liên	09/11/1989	Văn hà, Đức Phong, Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	
40	Đinh Lê Vũ Khánh	02/02/1993	308/2 Thạnh Phong, Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	
41	Lê Quốc Tính	18/6/1984	Trường An, Trường Tây, Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh	
42	Huỳnh Thái Hoàng Vinh	20/9/1988	279 Gò Xoài, Bình Hưng Hòa A, Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	
43	Nguyễn Minh Bảo	07/02/1990	167 Gò Xoài, Bình Hưng Hòa A, Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	
44	Nguyễn Thành Lộc	29/11/1996	Xã Ngãi Đăng, huyện Mô Cày, tỉnh Bến Tre	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
45	Cao Chí Nguyễn	10/02/1996	TT Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	
46	Lê Nguyễn Quang Thịnh	27/6/1991	600/2/33 Hồng Bàng, Phường 16, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh	
47	Trà Lê Diệu Hiền	24/12/1995	Tân Thành, TX Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	
48	Nguyễn Xuân Thế	20/11/1988	73/23A Trần Thị Diệu, Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Cấp lần thứ 2
49	Nguyễn Phi Long	02/02/1989	83 Đinh Điền, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	
50	Nguyễn Thị Mùi	01/6/1979	20/9 Nguyễn Thị Thập, phường Bình Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	
51	Nguyễn Công Thạo	15/6/1984	Ngãi Thạnh, Hiếu Thuận, Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long	
52	Lê Thị Lệ Thu	1982	Bình Thủy, Thanh Bình, Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long	
53	Trương Thanh Lực	12/02/1994	433/28 Lê Đại Hành, Phường 11, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh	
54	Nguyễn Phương Văn	24/10/1983	38 Đường 13, Bình Hưng, Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	
55	Ngô Phú Lộc	26/02/1995	Phường Thị Nại, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	
56	Nguyễn Văn Thùy	09/4/1991	Ea Blông, Ea Tân, Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	
57	Võ Lương Trí	08/9/1981	394/23 Trương Thị Hoa, Tân Thới Hiệp, Quận, TP. Hồ Chí Minh	
58	Tướng Phúc Thanh	08/12/1985	136 Yersin, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	
59	Nguyễn Thị Minh Hà	18/02/1986	205/38/17 Nguyễn Tư Giản, Phường 12, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	
60	Lê Công Nhật	03/3/1993	324/45K Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
61	Lâm Minh Nhân	16/3/1994	Tổ 10, KP7, TT Tân Nghĩa, Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	
62	Đặng Ngọc Hải	02/01/1993	Phường Thới Hòa, TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương	
63	Vũ Văn Dương	10/7/1994	Phú Bình, Tân Phú, Lâm Phú, tỉnh Đồng Nai	
64	Lê Quốc Dương	25/12/1992	Mỹ Khánh, Phong Điền, TP. Cần Thơ	
65	Trần Thị Thanh Tuyền	09/5/1990	290A/90/1A Dương Bá Trạc, Phường 1, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	

Tổng cộng: 65 thí sinh

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tùng Lâm

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KIẾN TRÚC - XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI SÁT HẠCH
KIẾN THỨC MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN KỶ IV/2022 VÀ THI LẠI KỶ III/2022**

Thi Buổi chiều: 13 giờ 30 phút ngày 27/4/2022

- Thí sinh có mặt vào lúc 13 giờ 15 phút để làm thủ tục vào phòng thi;
- Thí sinh phải mang theo giấy tờ tùy thân: CMND/CCCD hoặc Hộ chiếu;
- Địa điểm thi: Trường Cao đẳng Kiến trúc Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ sở 2: Khu 11A - Khu chức năng số 11 - Đô thị mới Nam Thành phố, đường Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Tp.HCM (Cạnh cầu Bà Lớn)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
THI KỶ IV/2022					
1	Nguyễn Ngô Tấn	Phát	28/02/1968	48/337K Quang Trung, Phường 12, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	
2	Hà Văn	Trương	08/7/1992	74 Ánh Sáng, Phường 1, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	
3	Hà Văn	Nhật	08/7/1992	74 Ánh Sáng, Phường 1, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	
4	Nguyễn Triệu	Võ	05/01/1995	Tân Bắc, Bình Minh, Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	
5	Phạm Thị	Hoàn	26/9/1990	Hoàng Đan, Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc	
6	Nguyễn Tấn	Đạt	25/01/1982	51/26 Nguyễn Trãi, Phường 2, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	
7	Nguyễn Thị Mai	Hoa	04/01/1978	168/5 Trường Chinh, Phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	
8	Mai Trường	Son	18/5/1981	Triệu Hải, Đa Tềh, tỉnh Lâm Đồng	
9	Nguyễn Thới Thôi	Anh	26/9/1995	Tổ 18, Nghĩa Lộ, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	
10	Trần Thị Yến	My	17/6/1997	Ba Bàu, Hàm Thuận, Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận	
11	Nguyễn Thị Thu	Hà	14/8/1993	La Ngà, Định Quán, tỉnh Đồng Nai	
12	Đỗ Thu	Hương	18/01/1986	537 Nguyễn Duy Trinh, Bình Trưng Đông, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
13	Phạm Huỳnh Thanh	Hồng	13/3/1988	183/52/14 ĐX 122, phường Tân An, TP. Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh	
14	Lê Văn	Hải	20/7/1986	16/9/5 ĐX 78, KP2, Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	
15	Nguyễn Đức	Quý	20/10/1992	An Cường, Bình Hải, Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	
16	Trần Quốc	Thái	02/02/1991	Áp Kiên Thanh, Kiên Bình, Kiên Lương, tỉnh Đắk Lắk	
17	Trần Thanh	Tú	30/10/1993	3/12 KP Đông, Vĩnh Phú, Thuận An, tỉnh Bình Dương	
18	Trần Thị	Nam	06/9/1997	Diễn Yên, Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
19	Dương Văn	Pháp	20/6/1987	Long Định, Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	
20	Nguyễn Tấn	Vĩnh	01/9/1988	4B Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	
21	Lê Quốc	Vinh	07/02/1985	Xã Mỹ Thành Nam, Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	
22	Nguyễn Văn	Đạt	01/01/1990	Xã Long Trị, TX Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	
23	Trần Văn	Biết	05/7/1993	Xã Hàm Đức, Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	
24	Phạm Văn	Hoàng	02/9/1996	Cầm Duệ, Cầm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	
25	Nguyễn Thị	Hạnh	12/9/1980	Tổ 11, KP4B, phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	
26	Nguyễn Bảo	Nam	05/5/1994	Hàm Đức, Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	
27	Đỗ Huế	Quốc	01/01/1991	512B, KP3, phường Phú Khương, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre	
28	Đỗ Kim	Thành	26/4/1992	Mũi Né, Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	
29	Trần Thị Như	Ý	26/3/2003	Thôn 7, Hàm Đức, Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	
30	Nguyễn Thanh	Tâm	05/02/1993	1576 Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Mỹ, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	
31	Trần Thái	Son	29/12/1993	286/912 Nơ Trang Long, Phường 12, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
32	Nguyễn Trọng	Trường	28/7/1992	Bình Khương, Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	
33	Lê Quốc	Thịnh	29/02/1992	Khóm 1, Phường 3, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	
34	Trương Công	Thành	05/9/1985	Thôn 6, Krông Buk, Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk	
35	Bùi Thanh	Hiền	27/02/1990	Cư xá Thanh Đa, Phường 27, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
36	Đỗ Tất Mai	Ly	17/02/1993	519/14 Phạm Văn Chiêu, Phường 13, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	
37	Nguyễn	Thức	22/10/1986	Nhon Thọ, Vạn Khánh, Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa	
38	Đặng Ngọc	Minh	29/10/1984	Xã Phước Thái, Long Thành, tỉnh Đồng Nai	
39	Bùi Xuân	Luân	29/03/1992	Thôn 6, Đam B'ri, Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	
40	Ngô Khắc	Nam	14/11/1989	Ấp 6, Núi Tượng, Tân Phú, tỉnh Đồng Nai	

Tổng cộng: 40 thí sinh

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tùng Lâm

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KIẾN TRÚC - XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI SÁT HẠCH
KIẾN THỨC MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN KỶ IV/2022 VÀ THI LẠI KỶ III/2022**

Thi Buổi chiều: 14 giờ 30 phút ngày 27/4/2022

- Thí sinh có mặt vào lúc 14 giờ 15 phút để làm thủ tục vào phòng thi;
- Thí sinh phải mang theo giấy tờ tùy thân: CMND/CCCD hoặc Hộ chiếu;
- Địa điểm thi: Trường Cao đẳng Kiến trúc Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ sở 2: Khu 11A - Khu chức năng số 11 - Đô thị mới Nam Thành phố, đường Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Tp.HCM (Cạnh cầu Bà Lớn)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
THI KỶ IV/2022				
1	Trần Văn Bình	20/6/1989	Chiềng Cang, Sông Mã, tỉnh Sơn La	
2	Dương Văn Đại	20/10/1982	Xã Phú Tân, Định Quán, tỉnh Đồng Nai	
3	Huỳnh Nghiêm Bình	07/6/1995	Khóm 2, TT U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	
4	Nguyễn Duy Long	24/6/1994	Ấp 8, An Phước, Long Thành, tỉnh Đồng Nai	
5	Đặng Thanh Hải	01/8/1994	Xã Đắc Yã, Mang Yang, tỉnh Gia Lai	
6	Lê Văn Giáp	13/6/1984	Tân Xuân, Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An	
7	Châu Tuấn Kiệt	24/4/1997	Xã La Ngà, Định Quán, tỉnh Đồng Nai	
8	Văn Tuấn Anh	22/7/1992	Phú Ngọc, Định Quán, tỉnh Đồng Nai	
9	Nguyễn Văn Nhân	03/5/1983	Thôn Trung Thủy, Quảng Thủy, TX Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	
10	Nguyễn Hồng Nguyên	21/02/1994	Xóm 4, thôn 12, Pong Đrang, Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk	
11	Nguyễn Sinh Nhật	20/7/1991	Phụng Tường I, Hòa Trị, Phú Hòa, tỉnh Phú Yên	
12	Nguyễn Thị Minh Phượng	10/10/1988	KP Thái Hòa, phường Long Bình Tân, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	
13	Nguyễn Thành Danh	06/6/1993	Phước An, Phước Thạch, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	
14	Lê Văn Trường	10/02/1984	Xã Gia Canh, Định Quán, tỉnh Đồng Nai	
15	Đặng Trọng Nhân	25/5/1992	Ngọc Định, Định Quán, tỉnh Đồng Nai	
16	Trần Văn Hải	10/3/1988	Ấp Thanh Hóa, Hố Nai 3, Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	
17	Nguyễn Xuân Tiên	02/11/1995	Xã Bù Đông, Bù Tơ, tỉnh Quảng Ngãi	
18	Nguyễn Văn Du	29/8/1994	Sông Lũy, Bần Bình, tỉnh Bình Thuận	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
19	Trần Văn Thái Huynh	05/12/1985	1297 Quảng Biên, Quảng Tiến, Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	
20	Võ Thị Ngọc Vy	10/01/1995	Bừu Long, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	
21	Đỗ Thị Hoàng Phượng	04/8/1984	Tam Phước, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	
22	Nguyễn Quốc Bảo	17/12/1985	KP5, TT Quán Lào, Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	
23	Phan Thị Thanh Hằng	01/01/1992	1050/2 Quang Trung, Phường 8, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	
24	Nguyễn Thị Uyên	13/7/1992	Thái Hòa 2, Phú Túc, Định Quán, tỉnh Đồng Nai	
25	Võ Văn Trung	19/02/1991	Ấp Bảo Vệ, Giang Điền, Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	
26	Nguyễn Khánh Huy	14/11/1988	1123 Quảng Biên, Quảng Tiến, Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	
27	Nguyễn Quang Đức	04/01/1988	152C Thái Sanh Hạnh, Phường 9, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	
28	Nguyễn Thị Thanh Duyên	06/02/1984	Đức Thắng, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	
29	Tiền Thị Tuyết Thanh	14/3/1990	Ấp Long Định, Hòa Định, Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	
30	Chím Kỳ Din	07/9/1986	Tân Lập 2, Cây Gáo, Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	
31	Bùi Thị Thanh Xuân	10/6/1995	Ấp 2, xã Trung An, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	
32	Nguyễn Ngọc Tân	05/12/1986	7B1, KP3, phường Thạnh Lộc, quận 12, TP. Hồ Chí Minh	
33	Nguyễn Thị Phúc Nguyên	23/9/1989	Thôn Hiệp Nhơn, Tân Thuận, Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận	
34	Phạm Vũ Vương	12/9/1996	170 Nguyễn Thị Thập, Phường 5, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	
35	Lê Hoài Thương	23/6/1993	Tân Phú 2, Tân Thuận Bình, Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	
36	Bùi Thụy Quế Trâm	06/6/2000	193/19 Nguyễn Đình Chính, Phường 11, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	
37	Cao Ngân Tuyền	25/5/1989	207, KP3, Phường 10, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	
38	Trần Ngọc Hân	10/10/1992	Thới Thuận, Thới Sơn, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	
39	Trần Minh Đạt	24/3/1985	323/1 Ấp Lương Phú B, Lương Hòa, Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	
40	Huỳnh Thị Kim Châu	27/9/1983	105/5 Lý Thường Kiệt, Phường 5, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	

Tổng cộng: 40 thí sinh

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tùng Lâm

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KIẾN TRÚC - XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI SÁT HẠCH
KIẾN THỨC MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN KỶ IV/2022 VÀ THI LẠI KỶ III/2022**

Thi Buổi chiều: 15 giờ 30 phút ngày 27/4/2022

- Thí sinh có mặt vào lúc 15 giờ 15 phút để làm thủ tục vào phòng thi;
- Thí sinh phải mang theo giấy tờ tùy thân: CMND/CCCD hoặc Hộ chiếu;
- Địa điểm thi: Trường Cao đẳng Kiến trúc Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ sở 2: Khu 11A - Khu chức năng số 11 - Đô thị mới Nam Thành phố, đường Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Tp.HCM (Cạnh cầu Bà Lớn)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
THI KỶ IV/2022				
1	Vòng Diệu Thanh	10/8/1997	Tân Bình, Bảo Bình, Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai	
2	Phạm Trọng Mỹ	16/01/1979	121 Thống Nhất, phường Bình Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
3	Trương Duy Quang	14/7/1983	42/3/16 Hiệp Bình, Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
4	Lê Thị Định	06/3/1991	141 Cộng Hòa, Phường 12, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	
5	Võ Thị Kim Diệu	29/10/1979	351/133 Lê Đại Hành, Phường 13, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh	Cấp lần thứ 2
6	Hoàng Thị Hiền	23/10/1992	Thôn 2, Ea Kmút, Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	
7	Trần Thị Ngân Sương	14/3/1988	Tổ 21, ấp Bắc II, Hòa Long, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	
8	Lê Trần Toàn	09/10/1991	TDP 3, TT Đắk Mâm, Krông Nô, tỉnh Đắk Nông	
9	Nghiêm Thị Thanh Huyền	29/12/1990	Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	
10	Nguyễn Thị Diễm Anh	30/12/1987	KP Hải Hòa, Long Hải, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	
11	Vũ Thị Minh Trang	07/6/1998	Tổ 1, Khối 8, TT Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	
12	Huỳnh Tấn Phát	08/12/1991	87/1 Võ Hữu, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	
13	Hồ Minh Trí	04/01/1988	947/29A Lạc Long Quân, Phường 11, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	
14	Trần Hữu Lộc	30/11/1985	14 Đường 41, Phú Định, Phường 16, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	
15	Nguyễn Thị Kim Hên	15/02/1980	264D Bạch Đằng, Phường 24, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	
16	Nghiêm Ngọc Hân	17/02/1990	Tổ 61, KP 4B, phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	
17	Nguyễn Văn Định	07/10/1986	Ấp Ninh Chài, Ninh Quới, Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu	
18	Võ Hoài Nam	09/01/1994	Phước Trung, Tam Phước, Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
19	Nguyễn Văn Khánh	08/11/1989	Xã Bình Dương, Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh	
20	Nguyễn Thị Thu	02/10/1994	Thôn 5, Thành An, An Khê, tỉnh Gia Lai	
21	Hoàng Anh Tú	30/11/1998	Khu 4, TT Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	
22	Trương Tấn Phong	02/8/1990	Ấp Hiệp Thọ, Định Hiệp, Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	
23	Nguyễn Hồng Phát	06/12/1991	243/53/9 Tôn Đán, Phường 15, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	
24	Trịnh Thạch Toàn	12/6/1994	23/30/23F Đường 21, Phường 8, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	
25	Ngô Trung Hiếu	27/8/1987	736/23 Lê Đức Thọ, Phường 15, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	
26	Trần Hoa Vinh	22/7/1993	27/25 Trần Phú, Phường 4, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	
27	Tổng Văn Bằng	14/5/1997	A8 Nguyễn Hoàng, phường Tam Phước, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	
28	Nguyễn Lư Quốc Huy	20/6/1990	90B Khu phố 2, Phường 7, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre	
29	Lê Thị Yến Nhi	09/11/1994	24/52 Thánh Gióng, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	
30	Hà Thị Thu Thủy	04/04/1996	Nâm N'Jang, Đăk Song, Đăk Nông	
31	Phan Hồng Minh Thư	13/3/2001	302/68 Lê Đình Cẩn, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	

Tổng cộng: 31 thí sinh

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tùng Lâm